

ĐỌC THƠ' và TRUYỆN
của luật sư
NGUYỄN HỮU HIỆU



Nguyễn Hữu Hiệu
Trại tỵ nạn Phi Luật Tân 1989

VÀI HÀNG VỀ LUẬT SƯ NGUYỄN HỮU HIỆU

Nguyễn Hữu Hiệu sinh ở Hải Phòng trong một gia đình Cha họ Nguyễn Hữu làng Tây Mỗ Hoài Đức Hà Đông, Mẹ họ Hà làng Nhân Lộ Quảng Hóa Thanh Hóa. Thuở nhỏ học ở nhà rồi sau đó theo học tại Trung Học Đào Duy Từ, Lam Sơn Thanh Hóa. Bị bắt giam tại công an Vĩnh Lộc (1953-54) rồi nhận lệnh quản thúc 30 năm tại Vạn Thiện Nông Cống Thanh Hóa về tội “con địa chủ phản động”.

Trốn vào Nam trong phong trào di cư cuối tháng chạp năm 1954 Nguyễn Hữu Hiệu lần lượt theo học tại các trường Trung Học Hồ Ngọc Cẩn, Pétrus-Ký, rồi lên học tại Đại Học Văn Khoa và Đại Học Luật Khoa Saigon.

Sau khi rời Đại Học Nguyễn Hữu Hiệu làm luật sư tại Saigon (1961-1975), dân biểu Quốc Hội Lập Hiến (1966-1967), dân biểu Quốc Hội Lập Pháp (1971-1975), chủ tịch Ủy Ban Tư Pháp Định Chế (1971-1972). Tác giả dự án bãi bỏ án tử hình tại Việt Nam. Chủ nhiệm kiêm chủ bút Nguyệt San Chính Danh (1974-1975).

Sau năm 1975 Nguyễn Hữu Hiệu bị bắt và bị giam tại các “trại cải tạo” Long-Châu-Hà (1975) Long Thành (1975-1976), Phú Sơn 4 Bắc Thái (1976-1979), Thanh Phong - Thanh Hóa (1979-1981), Z.30A - Xuân Lộc (1981-1983) và Trung Tâm bài lao PNT (1983-1985).

Sau khi ra trại tù, vượt biên, có ở tại các trại tỵ nạn Longgiai, Phanat Nikhom Thái Lan, Bataan Phi Luật Tân (1988-1989).

Đến Mỹ tháng giêng 1990. Học lại ở Mỹ từ đầu. Tốt nghiệp A.A. in Philosophy hạng danh dự tại Chaffey College (1993), B.A. in English Writing hạng ưu tại University of Redlands (1995).

Tờ Daily Bulletin ở California Hoa Kỳ trong số báo ngày Chủ Nhật 29 tháng 5 năm 1994 có đăng tải một bài báo của ký giả Cameron Coulter viết về Nguyễn Hữu Hiệu. Trong đó ký giả này đã nhắc lại lời của giáo sư Bea Rose, giáo sư Triết học của Trường Chaffey như sau: “Hiệu có lẽ là một trong số các sinh viên rất hấp dẫn mà chúng tôi được gặp và ông đã vượt qua được nhiều nỗi trở ngại khôn khó hơn các người khác mà tôi từng hay biết”.

Ký giả này viết tiếp: “Những nỗi khôn khó trên bao gồm cả cảnh tù đày, việc hai người con bị chết, việc người vợ bỏ ra đi và bệnh ho lao hành hạ. Trong khi đa số các người Việt tị nạn không tìm được phương tiện để bỏ

nước ra đi hầu tránh sự khổ đau sau cuộc đổi đời thì Hiệu đã có dư cơ hội để vượt thoát sớm. Trước khi Saigon sụp đổ, vào lúc những toán quân miền Bắc Việt Nam tiến gần vào thành phố, những người đồng viện thuyết phục Hiệu ra đi với họ theo cuộc di tản của Hoa Kỳ, nhưng ông ta đã từ chối”.

Vào năm 2001 một số bài thơ của Nguyễn Hữu Hiệu đã được xuất bản, gom lại thành một tập thơ mang tựa đề: **“BỐN MƯƠI NĂM (1953-1993) THƠ NGUYỄN HỮU HIỆU”**.

Cuối năm 2001 tôi hân hạnh được “Nhóm Thân Hữu” của Luật Sư Nguyễn Hữu Hiệu chuyển cho một số tài liệu cùng tập thơ nói trên và một số các truyện ngắn mà Luật Sư Nguyễn Hữu Hiệu viết ra bằng Anh ngữ. Thế theo lời đề nghị của “Nhóm Thân Hữu” một số các truyện ngắn này đã được tôi và anh LK. Lê Duy San chia nhau dịch ra Việt ngữ và “Nhóm Thân Hữu” tài trợ để xuất bản vào năm 2002 thành một tuyển tập truyện ngắn với tiêu đề là **“TÔ CHÁO RẮN” (The Bowl of Snake Soup)**.

Các chi tiết về một quãng đời của Luật Sư Nguyễn Hữu Hiệu ghi tại đây đã được trích dẫn từ tài liệu của “Nhóm Thân Hữu”. Phần “ĐỌC THƠ NGUYỄN HỮU HIỆU” được trích trong tuyển tập truyện nói trên. Truyện “TÔ CHÁO RẮN” (một trong 9 truyện của tuyển tập) cũng được đăng tải lại để gọi là một chút kỷ niệm với một bạn đồng nghiệp khả kính.

VIRGINIA, USA
ngày 17-12-2009
LS. Ngô Tăng Giao

Bốn Mươi Năm

(1953-1993)

Thơ

Nguyễn Hữu Hiệu



Chil Books 2007

ĐỌC THƠ NGUYỄN HỮU HIỆU

LS. NGÔ TĂNG GIAO

Nguyễn Hữu Hiệu làm thơ từ hồi còn trẻ. Có những bài thơ thấy ghi là được sáng tác tại miền Bắc nước Việt vào thập niên năm mươi (1953, 1954...). Rồi tại miền Nam trong thập niên sáu mươi (1961, 1963...) và qua thập niên bảy mươi (1971, 1979...). Một số thơ được làm ra trong thời gian bị giam giữ tại các “trại học tập cải tạo” (1976 tới 1985). Một số được làm sau ngày ra khỏi tù cho tới khi vượt thoát khỏi Việt Nam bằng đường biển và đến được bến bờ tự do.

Sau những thăng trầm của cuộc đời, một số những bài thơ của Nguyễn Hữu Hiệu còn sót lại trong cái di sản thi phú trên được gom lại và xuất bản tại California, Hoa Kỳ vào năm 2001. Tập thơ mang tên: **“BỐN MƯƠI NĂM (1953-1993) THƠ NGUYỄN HỮU HIỆU”**.

Tập thơ có khoảng 70 bài, không kể 8 bài ngắn được đặt tên là “Ca Dao 1986” và 8 bài ngắn khác được đặt tên là “Những Vần Thơ Nhỏ”. Đa số thơ được sáng tác dưới hình thức “tự do”, một số theo thể thơ “lục bát” và một số theo thể thơ “thất ngôn bát cú Đường luật”.



Hồi nào còn nhỏ, dắt em đi thăm Cha. Hình ảnh người Cha với nét mặt phong sương khắc khổ trong vòng lao tù chính trị nơi làng quê hẻo lánh một thời nào đó là một kỷ niệm khó quên. Khó quên hơn nữa khi lần thăm viếng đó lại là lần cuối cùng gặp mặt giữa Cha và Con. Nhà thơ trải lòng nhưng nhớ của mình thành những vần điệu:

... “Tiếng dế kêu rên rĩ,
Giọt mưa tí tách rơi.
Con nhớ Cha buồn tủi,
Ngồi trên chiếc áo tôi.
Nét mặt già khắc khổ,
Trầm lặng với thời gian

...

Ngày tháng mòn mỏi trôi,

*Thăm Cha lần cuối đó,
Mối thù như lửa đỏ,
Nung nấu lòng con coi.”*

(CHA, Thanh Hóa 1954)

Sau hình ảnh Cha, nhà thơ họ Nguyễn cũng đặt bút viết những dòng thơ để nói lên tình yêu dành cho Mẹ. Chiếc áo ngày nào Mẹ khâu đơn sơ và gửi cho con như gửi theo cả một tấm lòng của Mẹ, tấm lòng to lớn như biển Thái Bình, con dù sống xa Mẹ nhưng hình ảnh Mẹ mãi mãi vẫn còn trong trái tim:

*... “Chiếc áo mong manh con nhớ Mẹ,
Sồi ngâm lá gụ nhuộm màu nâu.
Mẹ khâu áo với vải con chỉ,
Mẹ gửi cho con vạn nguyện cầu*

*...
Nay trong cuộc sống tha hương,
Chiếc thân quan tái, tìm phương huy hoàng.
Tim con, hình Mẹ không loang.”*

(CHIẾC ÁO CỦA MẸ, Hải Phòng 1955)

Nhà thơ họ Nguyễn đã bộc lộ những tình cảm với Mẹ đậm nét như những vần thơ của Mạnh Giao thời xa xưa, từ thời Đường, trong bài “Du tử ngâm”. Mạnh Giao nói đại ý là “con trai sắp ra đi và nào ai biết bao giờ mới trở lại. Mẹ vội vã may cho con một tấm áo. Tấm áo tuy bình thường nhưng đã nói lên được tình yêu thương sâu đậm của Mẹ.” Trong phần cuối bài thơ Mạnh Giao đã đem tình Mẹ ví với ánh mặt trời rơi xuống để chăm nuôi đám cỏ xanh nhỏ bé. Ôi tình yêu thương của Mẹ cao cả biết là bao: “Thùy ngôn thốn thảo tâm. Báo đắc tam xuân huy” (Ai bảo lòng tác cỏ. Báo đáp nổi ánh dương xuân!).

Một ngày nào đó sau những đắng cay của cuộc sống, trong nỗi cô đơn cùng cực nhà thơ họ Nguyễn tìm về với Mẹ nhưng than ôi Mẹ có còn đâu. Mẹ đã yên nghỉ trong nấm mộ chưa xanh cỏ. Thời gian như chợt dừng cánh lại tưởng chừng như cùng theo với sự ngưng đọng của dòng máu trong tim con:

*... “Tim con hình ảnh Mẹ,
Rực rỡ và thanh cao,*

*Trời tháng Ba lặng lẽ,
Xa tí những vì sao.*

*Nắm mồ chưa xanh cỏ,
Ngôi mộ còn chưa xây,
Nơi Mẹ tôi yên nghỉ,
Thời gian ngừng nơi đây.”*

(CỬA MẸ, Saigon 1985)

Hình ảnh Mẹ theo mãi với nhà thơ. Nhìn mưa rơi, nhìn nước trôi, niềm thương nhớ giăng theo mây trắng, bèo bồng theo sóng nước trùng dương. Nhà thơ gói ghém nỗi lòng trong một bài thơ “thất ngôn bát cú Đường luật”:

*“Kẻ ở, nào không đặng phận buồn,
Người đi ai chẳng lặng cô đơn.
Giọt mưa đã đổ đâu lần nữa,
Dòng nước còn trôi đến mỗi mồn
Bến đợi, rêu xanh nhòa dấu mẹ,
Bờ xa, mây trắng tủi đời con.
Trùng dương thì vẫn trùng dương đó,
Sóng dập mù giăng mãi oán hờn.”*

(VÔ ĐỀ, Saigon 1987)

Nhà thơ họ Nguyễn đã dùng vần điệu của Thơ để dàn trải tình cảm của mình với gia đình, với Cha, với Mẹ, với cả Vợ và Con. Mùa Thu nơi miền đất xa xôi, trong cảnh lưu đày xa tổ ấm gia đình, đêm tưởng chừng như dài vô tận khi lòng người trào dâng nỗi nhớ nhà:

*“Mấy mùa hoa quỳ nở
Mấy mùa chim nhạn qua*

...

*Nhớ Thu hoa quỳ nở
Nhớ Thu cái nhạn về
Nhớ nhà sao nhớ thế
Đêm Thu dài lê thê.”*

(ĐÊM THU NHỚ NHÀ,
Thanh Phong Thanh Hóa 1980)

Nhà thơ họ Nguyễn đã luôn luôn dành biết bao nhịp đập của con tim mình cho Vợ. Những tình cảm giăng mắc từ khi tình yêu đôi lứa nảy nở cho đến tận ngày cưới và mãi về sau này cho đến khi nhà thơ vừa mới bị vương mắc vòng tù tội (1976):

*... “Xa cách càng xa càng nhớ thêm
đêm đêm theo giấc mộng về em
anh vẫn là anh như ngày cưới
vững vàng trọn vẹn những niềm tin
dù đây lao ngục trắng không tới
lời thề nhật nguyệt vẫn như in.”*

(BÀI THƠ THỨ BA CHO EM NĂM 1976,
Bắc Thái 1976)

Hình ảnh Vợ nào dễ phai nhòa. Hình ảnh này càng đậm nét thương yêu hơn sau mỗi lần Vợ vất vả thăm nuôi nhà thơ trong cảnh ngục tù:

*... “Suối im sóng lặng bến hồ,
Dừng chân thiếu phụ bên bờ chia phôi.
Đèo cao đất lở đá rơi,
Tay mang, tay bé, làn khơi lối mòn.”*

(NHỚ NGƯỜI THĂM NUÔI,
Thanh Phong Thanh Hóa 1980)

Sau mỗi lần thăm nuôi sự chia phôi lại càng khắc thêm bao nỗi nhớ:

*... “Chứa chan chiều nắng xế,
Em ơi, xa nữa rồi!
Thăm nuôi làm chi thế,
Giờ, cũng lại chia phôi,
Đường về bao nỗi nhớ,
Bóng em gày đơn cô.”*

(MẮT HÚT ĐƯỜNG EM ĐI,
Xuân Lộc 1981)

Hoa nở để rồi tàn, bèo hợp để rồi tan. Một ngày nào đó nhà thơ thoát cảnh tù tội nhưng chưa được hưởng cảnh vui sum họp đã phải sầu chia ly. Nửa đêm về sáng, hương xưa phảng phất gợi lại biết bao kỷ niệm ẩn ái vợ chồng một thuở nào:

*... “Nhớ em đêm vắng ngày xa,
Mùa ly loạn cũng vừa là mười năm.
Mười năm chiếc bóng xa xăm,
Vẫn trên chăn gối em nằm ngày xưa.”*

(Ý NGHĨ TRONG ĐÊM VỀ SÁNG,
Saigon 1985)

Kẻ ra đi, đi vào miền đất lạ với trời đầy mưa tuyết, để vương vấn trong lòng người ở lại bao nỗi niềm nhưng nhớ đến chán chường:

*... “Anh ngả đầu trên gối phấn hương
Mong sao cho mộng những yêu thương.
Em đi tuyết xuống vào nhưng nhớ,
Anh lại trăng lên đến chán chường.”*

(ĐÊM Ở NHÀ SAU NHỮNG NĂM CẢI TẠO,
Saigon 1985)

Bên cạnh hình ảnh Vợ, nhà thơ cũng dâng lên nỗi nhớ nhưng về Con. Tình yêu Con càng thấm đậm khi chính bản thân nhà thơ còn trong vòng lao lý. Nào ai có thể thay Cha để cùng sát cánh bên Mẹ mà nâng đỡ dìu dắt Con trên bước đường đời:

*... “Ba nhớ hai con đến mỗi mòn
Xà lim đêm lạnh thấm cô đơn.
Thoảng mơ vườn hạnh vừa đây đó,
Tiếng khoá cùm chân đã dập dồn.”*

(NHỚ CON, Xuân Lộc Đồng Nai 1982)



Nguyễn Hữu Hiệu di cư từ miền Bắc vào Nam hồi cuối tháng chạp năm 1954. Nhà thơ họ Nguyễn luôn luôn xác định lập trường của mình là muốn

được hưởng một bầu không khí tự do dưới lá cờ nền vàng ba sọc đỏ. Khi miền Nam còn toả ngát hương tự do, tràn ngập hương thanh bình hạnh phúc vào thời điểm trước tháng 4 năm 1975 nhà thơ đã đặt bút viết:

*... “gây gây gió vào đông lạnh lạnh
khao khát thở từng hơi thở mạnh
của Tự Do trời đất cho người
lá cờ vàng yêu dấu kia ơi
từ thủa sơ sinh tiếng khóc chào đời
đường khắp ngã mưa giăng trời hạnh phúc...”*

(BÀI THƠ THỨ HAI CHO EM NĂM 1973,
Saigon 1973)

Cả cuộc đời xả thân phục vụ lá cờ vàng nhưng “lực bất tòng tâm” và “mưu sự tại nhân, thành sự tại Thiên”, kẻ thất bại đành phải bỏ nước ra đi. Biết rằng mình hầu như đã “sức tàn lực kiệt” nhà thơ họ Nguyễn bèn gửi gắm niềm trông mong vào con cái, vào thế hệ trẻ tương lai. Từ trại tỵ nạn trên đất Thái Lan nhà thơ trút tâm sự vào những dòng thơ mong một ngày nào đó lá cờ vàng sẽ lại tung gió trên trời cao, màu cờ mà nhà thơ thường ấp ủ gửi vào bao nhiêu ước vọng từ thuở ấu thơ cho đến ngày lớn khôn:

*... “Con sẽ về Thủ Ngữ
Cắm lên cao ngọn cờ
Cho một ngày đẹp nhất đời Cha
Lá cờ vàng rực rỡ
Lông lộng bay cao
Saigon đó những ngày nóng đỏ
Mưa nắng lạc mùa nức nở thương đau
Con sẽ về quê cũ
Cắm cho Cha ngọn cờ
Lá cờ vàng tung gió trên trời cao
Không biết bao nhiêu mơ ước thủa nào
Từ thơ ấu cho đến ngày khôn lớn...”*

(CẢM CHO CHA NGỌN CỜ, Thái Lan 1988)

Bản chất con người nói chung và của nhà thơ nói riêng lúc nào cũng yêu chuộng tự do, một nền tự do thanh thoát như mây trời, đã phá cảnh ngục tù tăm tối giam hãm con người:

... “Tôi ở trong này không thấy mây,
Xòe tay chỉ thấy bóng tay gầy.
Lòng không cứ tưởng là không cả,
Cuối ngã đâu mà mây trắng bay.”

(ĐÊM TRĂNG TRONG PHÒNG GIAM,
Thanh Phong Thanh Hóa 1980)

Nhà thơ phản đối chiến tranh với quan niệm sự thành bại sau cuộc chiến dù thế nào đi nữa cũng chỉ là những cuồng vọng của một thiểu số lãnh đạo khiến cho máu người thêm loang đỏ, khiến cho hận thù thêm chất ngất:

... “Mười bảy năm chất chứa hận thù,
Bùng bùng sóng nổi đường biên khu.
Đạn bay xé gió về Tây-Bắc
Lửa rục Trường Sơn khói cuộn mù

...
Lớp lớp bao người vào chinh chiến,
Biên khu mây trắng khói giăng mù.
Sa trường đâu có câu thành bại,
Mang máu người ra thỏa ước mơ.”

(LỜI CHÁU GÁI NĂM MƯỜI BẢY TUỔI,
Saigon 1971)

Ngay sau khi vượt thoát được ra khỏi nước nhà và đặt chân tới bến bờ tự do nhà thơ họ Nguyễn đã thấy ngay là hình ảnh quê hương chẳng có lúc nào có thể phai mờ trong lòng người xa xứ. Con dân nước Việt dù phải tạm rời xa Tổ Quốc nhưng tâm hồn lúc nào cũng hướng về Quê Mẹ:

... “Bến bờ nào đó của quê tôi,
Mây tối chiều hôm ngợp cả rồi,
Lác đác đèn khuya lầy lắt rọi,
Mặt mù trắng biển vật vờ trôi...”

(TRÊN BỜ BIỂN TRẮT THÁI LAN,
Thái Lan 1988)

Trong cuộc sống đầy xáo trộn nơi trại tỵ nạn, tình quê hương mãi vương vấn trong trái tim người như tơ trời:

*... “Xa xôi đời lữ thứ
Thấy đâu nắng lụa ngà
Xón xang lòng nước cũ
Tà áo bay thướt tha
Quê hương mình bé nhỏ
Vấn vương như tơ trời” ...*

(LỮ HOÀI TỪ, Bataan Phi Luật Tân 1989)

Và người dân Việt nào phải miễn cưỡng bỏ nước ra đi mà chẳng ôm ấp hoài bão được trở lại Quê Mẹ một ngày nào đó:

*... “Ta sẽ về
căng lều trên sa mạc
gối đầu lên những mộ bia
trần trụi quê hương buồn không tiếng khóc
con chó rú trắng
chết mòn nhớ chủ
con mèo hóa cáo
lạc giọng kêu ma
Tổ quốc ta
Việt Nam ta đó!*

*...
ta sẽ về
quê hương cũ
Việt Nam
nổi trôi đời xứ lạ
tiếng Mẹ hiền nghe mãi gọi hằng đêm”*

(TRÔNG CAM TRÊN SA MẠC,
Pha-nat Thái Lan 1989)



Sau những “biển dâu” của cuộc đời và thăng trầm trong cuộc sống, cuộc sống ngoài xã hội cũng như cuộc sống trong gia đình, một ngày nào đó nhà thơ họ Nguyễn chợt cảm nhận thấy quả thật “đời là bể khổ” như lời Đức

Phật dạy, nhà thơ tìm về với Đạo. Hương Đạo dần lan, hương Đạo đưa đường dẫn lối nhà thơ đến với cửa Thiền.

Một ngày đầu năm nhà thơ viếng thăm Chùa. Trong cảnh thanh thoát nơi cửa Thiền nhà thơ cảm nhận thấy lòng mình phần nào được “tĩnh” lại và cảm hứng đặt bút viết:

*... “Đá chênh vênh, bước gập ghềnh,
Chim rùng nghe động giạt mình bay cao.
Sững sờ quên hết rồi sao?
Kìa ai đã chấp tay vào cửa Không.”*

(THĂM CHÙA LONG HẢI
NHÂN NGÀY ĐẦU NĂM,
Bà Rịa 1986)

Nhà thơ nhận biết cái thân xác con người chỉ là giả tạm. Một ngày nào đó cái thân “tứ đại” sẽ tan rã ra, con đường “sanh, lão, bệnh, tử” nào ai tránh khỏi. Chẳng ai thoát khỏi “thần chết”. Phải chăng chỉ còn trơ ra một hàng mộ chí lạnh lẽo nơi nghĩa trang mà thôi:

*... “Tiếng Thu không đổ cô liêu,
Hàng bia mộ chí khói rêu nhạt nhòa.
Chập chờn cái quạ bay qua,
Mười giờ đã khép cánh hoa lại rồi.”*

(LAI BUỒN, Saigon 1985)

Người ta quan niệm rằng thơ là một cách sống Đạo hay là một phương thế giúp con người sống Đạo, hành Đạo và hoằng Đạo. Trong môi trường đó nhà thơ đã nhận chân cảnh đời tan hợp, hợp tan. Cảnh hợp tan ngay chính trong gia đình giữa Cha và Con:

*... “Cơm mớm chặt chiu nhờ cả Mẹ,
Tác thành son sắt thấu chẳng con.
Lẽ trời thiên hạ tan rồi hợp,
Muôn thừa vuông tròn với nước non.”*

(NHỚ CON, Xuân Lộc Đồng Nai 1982)

Niềm đơn côi dễ dàng xâm chiếm lòng người như cảnh con thuyền lẻ bóng lia bến để ra đi cô độc trên sông nước mênh mông:

*... “Một mình anh, với mình anh,
Trời cao trăng bạc mỏng manh phố buồn.
Đêm về, tiếng lặng cô đơn
Vài con thuyền bến hợp tan mấy mùa.
Đường dài nước sưng sau mưa,
Hẻm nghèo heo hút vẫn chưa lên đèn.”*

(CÔ ĐƠN, Saigon 1986)

Hình ảnh dăm chiếc lá úa lia cành tô đậm thêm nét hợp tan trong tâm trạng của người phải bỏ nước, bỏ gia đình để ra đi tìm tự do nơi bến bờ xa lạ:

*... “Nắng đòi cao nắng đỏ
cát lùa ngõ trắng phơi
con chim sâu bé nhỏ
thiêm thiếp bên đầu hồi
mình anh trong nỗi nhớ
ngồi nghe nắng vỡ rơi
sân ngoài dăm chiếc lá
chưa hợp đã tan rồi.”*

(SONG SONG,
Pha-nat Thai Lan 1989)

Lênh đênh trên con thuyền nhỏ vượt biển tìm tự do con người gặp biết bao là hiểm nguy, bất hạnh. Mạng sống mong manh. Kẻ ở, người đi, hợp tan trong gia đình. Kẻ sống người chết, tan hợp trong cuộc đời. Cuộc đời quả thật đâu “thường còn” mãi:

*... “Con người sao bé nhỏ
Phận số quá vô thường
Bến bờ nào xa lạ
Cầu xin đến cho chẳng.”*

(BÀI HÀNH TRÊN THUYỀN VƯỢT BIÊN
Saigon 1985)

Dù đã nhận biết rằng cõi trần như ảo ảnh, không thật, chỉ là tạm bợ, nhưng mấy ai đã ngăn được cho dòng lệ sâu khỏi tuôn chảy:

*... “Lác đác đèn khuya lây lất rọi,
Mịt mù trăng biển vật vờ trôi,
Cõi trần ví đã là hư ảo,
Ngán lệ vì sao vẫn ngậm ngùi.”*

(TRÊN BỜ BIỂN TRẮT THÁI LAN,
Thái Lan 1988)

Trần thế còn tràn ngập những “tham, sân, si” trong lòng người. Mấy ai đã học được bài học khi thấy cảnh hung phé, dâu biển cứ lần lượt xoay vần tiếp diễn mãi ra trước mắt:

*... “Muôn nguồn sóng động lòng non bạc,
Mấy ngả sông tràn cửa phá xanh.
Hung phé đã dành nơi cõi ảo,
Cổ kim nào cũng chốn hư danh.”*

(NHÂN ĐI CHƠI NÚI BIG BEAR,
Ontario, California 1993)

Tìm về cửa Phật, thấm nhuần lời dạy của Đấng Giác Ngộ, nhà thơ họ Nguyễn chợt “ngộ” ra rằng kiếp người không nên quay cuồng mãi trong vòng “luân hồi” sanh tử mà nên tìm cách nào để thoát ra khỏi cảnh “luân hồi” tử sanh:

*... “Trần gian này, chốn dừng chân,
Luân hồi không biết bao lần đã qua.
Hoa râm bạc nửa màu hoa,
Ngửa bàn tay, vẫn là ta với mình
Nợ chi cái bóng cái hình,
Nỗi gì cứ lại thế tình thế nhân.”*

(ÁNH SAO TRONG ĐÊM
Pha-nat Thai Lan 1988)

Phải chăng con người ai cũng nhận biết chân lý “nhân quả” mà cố tìm cách “chuyên nghiệp” để mong thoát được ra khỏi cái cuộc đời buồn đau thường gọi là “bể khổ” này:

...“ Thôi đừng khóc nữa người ơi
Thế gian là thế cuộc đời là đâu.
Bao dòng nước mắt tìm nhau
Chảy vào bể khổ khơi sâu nghiệp buồn.”

(CHIỀU THÁNG BA BÊN MỘ MẸ
Saigon 1985)



Nguyễn Hữu Hiệu trong khi sáng tác những vần thơ đầy tình tự gia đình ghi lại những tình cảm và hình ảnh thân yêu về Cha, về Mẹ, về Vợ, về Con, nhà thơ vẫn không quên ca ngợi lá cờ vàng mà cả cuộc đời mình trân quý, cũng như trân quý nền tự do của con người và phản đối chiến tranh hủy hoại.

Song song với những cảm hứng nói trên nhà thơ họ Nguyễn đôi khi cũng cho lòng mình chùng xuống để mặc cho tâm hồn nghệ sĩ dâng cao, để mặc cho hồn thơ chảy lai láng theo cảnh thiên nhiên, thi hứng theo thể “Đường luật” điêu luyện:

*“Heo may hiu hắt khói giăng sông,
Bến cảng buồn thiu nước lặng dòng.
Nắng quái cờ phơi hè phố vắng,
Chợ chiều én lạng mái lâu không.
Sương dày càng trắng niêm cô quạnh,
Tóc bạc thêm dài nỗi nhớ mong.
Thơ thần áo cài trong bóng nguyệt,
Mùi làn thu đỏ lá bên sông.”*

(THU VẮNG, Saigon 1985)

Lời thơ đôi khi nội dung lại chuyên chở những hình ảnh, những “ý cở” phảng phất hơi thơ, lai láng thi tứ thuở xa xưa:

*... “Lụa nào em rũ bến sông?
Dem trăng nguyệt bạch khua lòng sóng xanh.
Bạc đầu ngọn sóng trôi nhanh,
Vàng trắng đáy nước tan tành mảnh gương*

*Thuyền anh gác bãi đêm sương,
Năm mơ buồm lùa gió vương nắng đào.”*

(Ý CỎ, Saigon 1987)

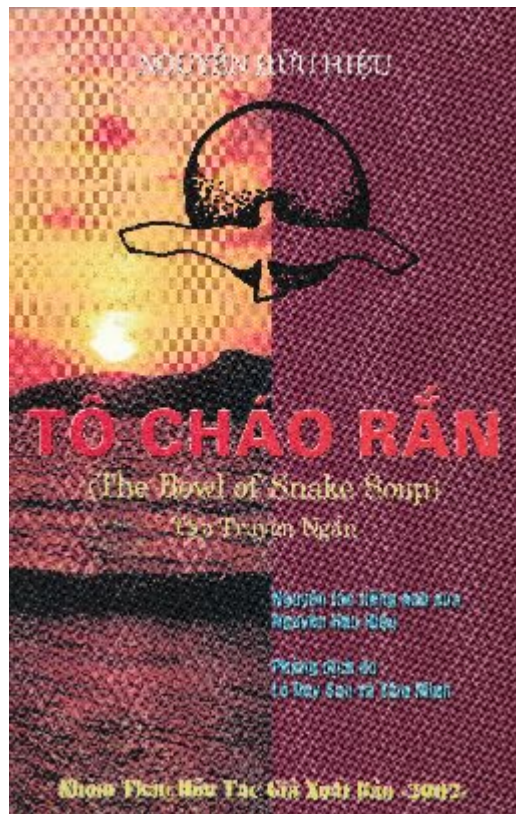


Với tập thơ ghi lại những vần thơ còn sót trong trí nhớ của mình suốt bốn chục năm sáng tác, từ 1953 tới 1993, Nguyễn Hữu Hiệu đã trao lại cho thân nhân, cho bằng hữu và cho đời một món quà văn nghệ quý hoá.

Nguyễn Hữu Hiệu xuất thân vốn là một luật gia. Nhưng các chồng sách vở dây cộm với các ngôn từ pháp lý khô khan cùng với cái khung cảnh pháp đình nghiêm trang đến độ lạnh lẽo vô cảm đã không làm cho họ Nguyễn mất đi những niềm rung động rất nhạy bén của một thi nhân.

Dưới cái lớp “áo đen” khoác ngoài, đồng phục khả kính của nghề “thầy kiện”, con người họ Nguyễn ấp ủ một trái tim thật nồng nàn của một nhà thơ.

Vườn thơ hải ngoại hân hoan mở rộng cửa để đón bước thi nhân vào góp mặt, góp thêm một bó hoa đầy hương sắc.



ĐỌC TRUYỆN NGUYỄN HỮU HIỆU

TÔ CHÁO RẮN (The Bowl of Snake Soup)

Nguyên bản Anh ngữ của:
LS. NGUYỄN HỮU HIỆU

Tôi cảm thấy rất chóng mặt và mệt mỏi. Cái sân vuông vức của trại học tập cải tạo hôm nay hình như lại to hơn. Tôi tránh không nhìn vào chấn song các cửa sổ ở hai dãy nhà tù. “Những cái chấn song chết tiệt” tôi rửa thắm, chúng làm tôi quay cuồng như một con quay. Dựa trên một cây gậy chống để đi tôi cố gắng kéo lê đôi chân nhưng chúng chẳng còn đủ sức để lết nổi nữa.

“Nguyễn, bạn yếu quá vậy sao? Sao bạn không vào nằm trong trạm xá y tế?” Trương từ nhà đối diện chạy lại cầm tay tôi và hỏi một cách lo ngại.

“Đừng lo lắng gì, bạn ơi. Chỉ choáng váng thôi”, tôi mỉm cười và tiếp tục lết đi, nói chậm rãi: “Ngày hôm nay trạm xá y tế làm tổng vệ sinh. Hơn nữa thuốc men chẳng còn gì gần năm ngày nay rồi. Bác sỹ nói tôi trở lại phòng giam mà nghỉ ngơi.”

“Phải, tôi biết. Vào nằm nghỉ ở trong phòng bạn thì yên tĩnh hơn. Mọi người đều đi ra ngoài lao động suốt ngày. Thôi được, hãy bám vào vai tôi, bạn Nguyễn, tôi dìu bạn tới đó.”

“Cám ơn bạn Trương rất nhiều. Tôi có thể tự đi đến đó với cây gậy này mà.” Tôi ngừng nói, thở nặng nhọc, rồi nói đùa: “Bạn nên trở lại cái bếp của bạn đi nếu bạn không muốn nhận giấy đề viết tờ kiểm điểm.”

Trong các trại “học tập cải tạo” thường thường chúng tôi tìm cách đùa rờn thật nhiều để quên đi thực trạng đời sống. Trương trẻ hơn tôi vài tuổi, là bạn đồng viên của tôi ở trong Quốc Hội miền Nam Việt Nam, và giờ đây anh ấy làm việc trong nhóm lao động tại nhà bếp trại.

Anh ấy rút tay ra khỏi nách tôi và nói rờn lại: “Bệnh thực sự của bạn chỉ là thiếu dinh dưỡng thôi. Tôi chắc rằng bạn chỉ cần có một tô cháo rắn, chỉ một tô thôi, là khỏi bệnh ngay đấy mà. Ăn xong là bạn có thể chạy được ngay đấy thôi. Tháng trước nhóm lao động làm việc ở lò gạch có bắt được một con rắn, cả ký thịt đấy! Tôi đã được dịp thưởng thức vài thìa cháo rắn

rồi. Thật ngon tuyệt!” Anh ấy ngừng lại, nuốt nước miếng, rồi nói nhanh: “Nhưng bây giờ chúng ta phải làm gì để kiếm ra rắn đây? Tôi luôn luôn trữ sẵn một ít đậu xanh để nấu cháo rắn đây.”

“Ồ! Tôi qua tôi trông thấy một con rắn...”

“Ở đâu vậy?” Trương ngắt lời tôi và hỏi một cách háo hức.

“Năm mơ ấy mà”.

Cả hai chúng tôi đều cùng phá ra cười. “Cười là một liều thuốc bổ. Nghe bạn cười tôi thấy dễ chịu quá. Thôi được rồi, nên ngủ một chút đi, bạn Nguyễn ạ. Khi nhà bếp có cháo tôi sẽ mang cho bạn. Bây giờ cứ việc mà nằm mơ tiếp về chú rắn của bạn đi nhé!” anh ấy lại cười nữa. “Cố mà bắt cho được chú rắn đó mà đưa tôi để tôi nấu cháo ngon lành cho bạn ăn.” Trương nhìn tôi một cách suy tư và nồng nhiệt trước khi đi.

Với cây gậy chống tôi tiếp tục lê đôi chân đi chậm chạp. Đầu óc tôi mãi suy tư về giấc mơ của mình.

“Nếu tôi giết được con rắn đó rồi, giả dụ như giấc mơ của tôi trở thành hiện thực, đã nấu nó, thì tô cháo rắn bây giờ đã xong xuôi và sẵn sàng cả rồi. Đói vẫn hoàn đói. Nếu tôi chặt con rắn ra, một con rắn trắng, như Lưu Bang, người sáng lập ra nhà Hán trong nước Trung Hoa cổ xưa, rồi trở thành một ông Vua; vương quốc của tôi cũng sẽ tan biến đi khi tôi tỉnh giấc.” Tôi giật mình thức giấc. Tôi lập tức nhắm mắt lại. Mặt đất quay cuồng và rung động dữ dội. Tôi bật nói: “Không! Không! Tôi chẳng bao giờ muốn làm Vua cả; Tôi không muốn làm Lưu Bang; Tôi chẳng thể giết các bạn tôi và gây chiến với các lân bang như vị anh hùng này.”

Thời gian gần đây tôi cảm thấy cái gọi là “nhân quả” đã chi phối một cách chặt chẽ mọi hành động và ý chí của tôi. Tôi sẽ chết dễ dàng. “Ít nhất tôi đã làm một việc thiện. Tôi đã tha không giết con rắn trắng. Nhân quả sẽ thay đổi.” Tôi mỉm cười và nhớ lại rõ ràng giấc mơ của tôi tối hôm qua.

Tôi đang cuốc đất gần hàng rào ở cuối trại, một nơi hoang vu và xa xôi. Chỉ có mình tôi lao động tại đây. Một cái gì giống như một mẫu vải trắng lòng thòng dưới hàng rào kẽm gai làm tôi chú ý. Tới gần để coi. Đó không phải là một mẫu vải mà là một da rắn vừa lột ra, mới tinh. “Chắc chắn là con rắn còn đang ắn núp quanh đâu đây, nó vừa mới lột da ra đây thôi!”

Tôi tự hỏi và giơ cao cây cuốc trong tư thế sẵn sàng đánh rắn, mắt thì liếc quanh để tìm con mồi. Tôi thấy ra ngay chú rắn trong một bụi cây ở cọc kẽm gai cuối hàng rào. Đó là một con rắn trắng, cuộn tròn lại như một vòng tròn màu bạc cỡ bằng cái nia. Tôi nhắm kỹ ngay đầu rắn để lấy cuốc đập nhưng bất chợt tôi nhìn thấy đôi mắt rắn. Đôi mắt bất động và u ám.

“Tại sao lại ngừng tay lại như thế? Tại sao lại không đập nữa?” Tôi như văng vẳng nghe thấy những lời này vọng về từ một nơi xa thẳm nhưng rất rõ ràng. Tôi bỏ cuốc xuống và nhìn lại con rắn. Toàn thân con rắn mang một

màu trắng bạc, nhưng cặp mắt nó lại nâu sậm. Con rắn bất động như một xác chết ngoài trừ lưỡi nó thỉnh thoảng thè ra ngoài để thở, tuy nhiên không có dấu hiệu gì có thể cho là tiếng nói đó từ trong miệng đó phát ra.

“Bạn nghĩ gì thế? Bạn không thấy đói à? Bạn không muốn một tô cháo rắn à?”

“Tôi đang đói muốn chết đây. Tôi muốn một tô cháo, bất cứ cháo gì cũng được. Nhưng tôi không thể giết con rắn này. Nó chẳng làm hại ai cả và lại chẳng có thể tự vệ được. Cặp mắt nó rất giống cặp mắt của những bạn bè tôi đã từng nhìn chúng tôi, những tên tù còn sống sót. Nhìn một lần chót trước khi chết trong các trại học tập cải tạo.”

“Bạn có biết khi chém một con bạch xà là điềm tốt báo hiệu có thể xưng Vương như trường hợp của Lưu Bang không? Đừng bỏ lỡ cái cơ hội quý báu vô giá này chứ.”

“Không, không”, tôi cương quyết trả lời cái tiếng nói vọng từ nơi xa thẳm đó, “Tôi chẳng tin vào cái điềm này. Giết một sinh vật vô tội có tri giác để khởi đầu cho một giấc mộng lớn, con người ta có thể dễ dàng tàn sát nhân dân mình khi nắm quyền!”

“Bạn không từng chứng kiến hoặc hay biết những trường hợp của những nhân vật lịch sử nổi danh trong chế độ Cộng Sản mới đây hay sao?”

Tôi mỉm cười. Nhờ ở tiếng “tù và” đi sẵn đột nhiên vang lên đã đánh thức tôi dậy kịp thời và như thế tránh khỏi phải bàn cãi về những bàn tay vấy máu nhân loại này.

Với chiếc gậy chống tôi lê đôi chân tê bại đi. Cuối cùng tôi cũng trở lại tới nơi của tôi. Tôi đứng dựa vào bức vách bằng tre để thở trước khi vào trong phòng. Chẳng có một ai. Chẳng có tiếng động. Tôi đặt chiếc gậy xuống sàn tre và nằm xuống chỗ tôi. Tôi cảm thấy dễ chịu vô cùng với sự yên tĩnh này. Trong vài năm ở trại học tập cải tạo tôi đã luôn luôn ước muốn cái giây phút yên lặng này.

Tôi mở mắt để tận hưởng cái sự thích thú đó, nhưng những chấn song cửa sổ song song trước mắt tôi hình như đang quay cuồng một điệu luân vũ. “Nếu có ai lấy cái chắn mà che những chấn song này đi thì thú vị quá”, tôi nhủ thầm, nhưng tôi cũng dự biết rằng vào giờ này tất cả các bạn bè của tôi đang làm việc cực nhọc ngoài đồng.

Tôi thử xoay người. Nằm đè lên phía tay phải tôi thấy dễ chịu hơn. Tôi đếm hơi thở. Tôi tập du già (yoga) mỗi ngày. Hơi thở của tôi dần dần trở nên dài hơn và nhẹ hơn.

Thình lình tôi nghe thấy một tiếng huýt gió nhẹ. Tôi lắng nghe, lại thêm tiếng nữa, tiếng động rất nhẹ này. Có thể có người đang đi vào phòng tôi. Tôi sẽ nhờ và những cái chấn song chết tiệt kia sẽ bị che phủ đi. Tôi sẽ lại

nằm ngửa ra và hưởng cái sự yên tĩnh hiếm hoi này. Thật là hy vọng biết mấy! Tôi nghĩ thế.

Tiếng huýt gió bây giờ có vẻ tới gần hơn. Tôi nghe thấy rõ hơn. Thật là lạ. Đó không phải là tiếng huýt gió nữa. Đó không phải là tiếng người. Đó là tiếng rít. Tôi liếc nhìn về phía phát ra tiếng rít đó. Tôi hoảng kinh. Cả người tôi bỗng mềm nhũn như một bị bông. Mồ hôi đọng lại trên chân tôi. Mồ hôi thào ra ngoài châu thân. Trước mặt tôi, cách khoảng hai thước rưỡi tây là một con rắn lớn đang nhìn trừng trừng vào tôi.

Tôi muốn kêu cứu nhưng tôi chẳng còn đủ sức để làm chuyện đó nữa. Tôi nhận ngay ra rằng dù có kêu cứu cũng vô ích, chẳng có ai nghe được tiếng kêu này.

Con rắn vẫn ngừng bò trên đường đi của nó và nhìn chăm chú vào tôi. Thỉnh thoảng lưỡi nó, một cái lưỡi màu đỏ và đen, thè ra thụt vào như đe dọa. Tôi liếc nhìn quanh thử tìm một đồ vật chi để tự vệ. Chỉ có cái sàn tro trụi. Chẳng có gì có thể dùng làm vũ khí để chống cự được. Tôi hối hận đã không giữ cây gậy chống dưới gầm giường.

Tôi chợt nhớ đến cái hộp đựng nước (cái hộp sữa bột Guigoz quen thuộc trong các trại học tập cải tạo) mà tôi để ở đầu giường. Tôi thu hết tàn lực để với lấy nó. Tay phải tôi đã với tới hộp, sờ được vào hộp, nhưng chẳng còn một chút sức lực nào nữa. Tôi đã thử nhiều lần để nhắc cái hộp đựng nước lên thử thế nhưng tôi không làm nổi. Tôi biết rồi. Tôi lâm vào một tình trạng hoàn toàn vô vọng.

Tôi nằm bất động quay nghiêng về phía bên phải và nhìn vào con rắn. Bây giờ con rắn chỉ còn cách tôi một thước. Thân nó rất đen và bóng láng. Nó dài cỡ hai thước tây. Đầu nó hình tam giác. Rắn loại này rất độc. Cặp mắt nó lạnh như thép. Cái lưỡi màu đỏ và đen đầy nọc độc thò ra thụt vào.

“Hãy giết tao đi! Hãy giết tao đi hắc xà! Đã bao năm tù trong những trại học tập cải tạo tao chán ngấy cái cảnh nửa sống nửa chết này rồi. Tao biết mày thù ghét con người. Loài người thì độc ác, xảo quyệt và hay ăn sống nuốt tươi. Chỉ có nhân loại mới có hiện tượng những kẻ độc ác hành hạ người lương thiện...” tôi nói như đang trong một giấc mơ. Tôi muốn nói thêm nữa nhưng chẳng còn sức mà thốt lời ra được. Con rắn đen hình như điếc. Nó lặng yên một cách lãnh đạm. Một sự yên lặng tràn ngập căn phòng và trong khắp không gian.

Thật quả là một sự lặng gió trước khi bùng ra bão tố. Cả người và rắn đều nhìn nhau bất động. Tôi chẳng còn nghe thấy tiếng gì khác ngoài tiếng mạch đập trong thái dương tôi. Tôi chẳng còn nhìn thấy gì khác ngoài cái ánh sáng lạnh như thép loé ra từ cặp mắt chết chóc của rắn. Thời gian hình như bất tận... Nhưng số mệnh là số mệnh.

Sau khi ngừng lại và nhìn trừng trừng vào con mồi bất động của nó, con rắn đen huýt gió, rít lên một âm thanh tang tóc kéo dài rồi tiếp tục bò tới. Một lần nữa tôi lại hoảng kinh lên. Tôi vội nhắm mắt lại. Tôi cảm thấy toàn thân như huyệt huyệt, như bị rơi vào một nơi trống rỗng. Tất cả đều trống rỗng và tối đen, rồi tôi quên tất cả.

Tôi không biết tôi đã ngất đi bao lâu nữa. Khi tôi mở mắt ra tôi đã thấy anh ấy ngồi ngay cạnh tay tôi, và tôi nghe thấy tiếng anh ấy kêu tôi một cách lo lắng:

“Nguyễn! Nguyễn! Tỉnh lại đi Nguyễn! Tỉnh lại đi!”

Tôi mở to mắt, liếc nhìn xung quanh, nhưng không nhận ra được gì cả.

“Đây là nơi nào thế? Anh là ai? Anh nói gì vậy? Tôi còn sống không?” tôi hỏi anh ta liên tiếp như thế.

“Đừng nói rồn chứ ông bạn”, anh ấy cười, nhún mạnh: “Đây là trại học tập cải tạo Thanh Phong. Tôi là Trương, bạn anh đây. Bạn và tôi cùng đang sống trong trại này nhận ra tôi chưa? Bạn ra mồ hôi nhiều quá.” “Anh thật tử tế với tôi quá anh Trương ạ”, tôi cười. Tôi đã nhận ra anh ấy. Rồi tôi thở một hơi thật dài và ngồi dậy.

Trương đưa một tô cháo lớn cho tôi thân mật nói: “Đây là tô cháo mà chúng ta mong ước. Sau khi ăn xong bạn có thể chạy được ngay. Tôi bảo đảm vậy đó.”

Tôi cảm thấy vui vẻ với lời của bạn tôi. Tôi cảm thấy rất dễ chịu. Sức khỏe tôi hình như bình phục lại nhiều. Bây giờ tôi hoàn toàn tỉnh trí lại. Tôi nhìn bạn tôi với vẻ cảm ơn và hai tay bưng lấy tô cháo lớn.

“Ồ! Cháo ngon quá!” Tôi cười hỏi một cách sung sướng: “Làm sao anh có được tô cháo này vậy?”

Trương, hình như chỉ chờ hỏi có thể, trả lời một cách hăng hái và kiêu hãnh: “Khi tôi lấy đòn gánh để gánh đôi thùng nước tôi trông thấy một con rắn đen lớn, dài đến hai thước, bò ngang qua sân bếp.” Anh ta phá ra cười, nói: “Con rắn hình như muốn dâng hiến cuộc đời cho chúng ta vậy. Nó bò rất chậm. Chỉ cần đập một cú là tôi đã giã ngay đầu nó. Nghĩ đến bạn tôi vội nấu tô cháo này. Đậu xanh và thịt rắn thật là hợp với nhau nhất là về phương diện dinh dưỡng. Anh nên ăn ngay bây giờ đi. Cháo hãy còn nóng đó.”

Tôi tự nhiên cúi đầu và nhắm nghiền mắt lại. Tôi tránh né chẳng muốn nhìn gì. Tôi phải thú nhận, tôi muốn ăn cháo để cho bạn tôi vui lòng, nhưng tôi quên thế nào được con rắn đen. Con rắn đen đã tha mạng cho tôi rồi nó còn bò rất chậm chạp như muốn hy sinh thân nó trong bàn tay của Trương để cung cấp cho tôi một tô cháo đầy dinh dưỡng hầu cứu mạng tôi.

Tôi mở mắt ra và không cảm được tiếng thở dài. Tôi nhìn Trương và đưa lại cho anh ta tô cháo.

“Đây chẳng phải là một điều bí mật gì, anh Trương ạ. Đây quả thật là một sự thực diệu kỳ. Cuộc đời này không vô nghĩa lý đâu.”

Trong tận cùng tâm khảm tôi cảm thấy dễ chịu. Thật sự thoải mái. Tôi nhìn vào cặp mắt mở lớn của bạn tôi, mỉm cười rồi tiếp tục nói; ‘Để tôi thay quần áo, bộ đồ này ướt đẫm mồ hôi rồi, tôi sẽ kể cho anh nghe về chuyện con rắn đen.’”

Tôi đứng dậy và chẳng cần nhờ đến cây gậy để đi nữa, tôi bước vững vàng về phía mấy cái kệ để quần áo ở cuối căn phòng rộng trước cặp mắt ngạc nhiên của bạn tôi, anh thích thú bung tồ cháo rắn còn đang bốc khói.

Chuyện ngữ:
Tâm Minh Ngô Tăng Giao
(VIRGINIA, USA, Tháng 4 năm 2002)
